TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 106/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 144/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nông Văn S, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang;

Bị đơn: Chị Tào Thị L, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 6 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nông Văn S và chị Tào Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nông Văn S và chị Tào Thị L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao cháu Nông Thị Anh T, sinh ngày 12/3/2022 cho anh Nông Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Nông Văn S tự nguyện chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* anh S đã nộp. Trả lại cho anh Nông Văn S số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000713 ngày 09/4/2026 tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 – Tuyên Quang;
- Phòng THADS KV4 – Tuyên Quang;
- UBND xã Tùng Bá, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Kim Quy